

Vietnam Daily Review

Đỏ thôi xanh quên đi

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/3/2022		•	
Tuần 14/3-18/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Bên bán áp đảo bên mua ngay từ khi mở cửa phiên giao dịch. VN-Index bị ghim không bật lên được, cứ thế đi xuống ngưỡng 1460 điểm trước khi kịp rút chân lên và đóng cửa tại ngưỡng kháng cự cũ 1466 điểm. Thị trường hôm nay có sự phân hóa mạnh. Các cổ phiếu Chứng khoán, Dầu khí, Thép, Bất động sản, xây dựng đa phần đều giảm điểm, trong khi cổ phiếu Xi măng, Phân bón lại có phiên giao dịch tích cực. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với chỉ 2/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Trong những phiên tới, giả định có dòng tiền bất đáy thì thị trường có thể sẽ quay lại ngưỡng 1470 hoặc thậm chí là ngưỡng 1490 nếu nhà đầu tư đủ máu lửa.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 11/03/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): PTB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **-12.54** điểm, đóng cửa **1466.54** điểm. HNX-Index **-5.44** điểm, đóng cửa **442.2** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.19)**, **VNM (+0.49)**, **MBB (+0.40)**, **VCB (+0.36)**, **EIB (+0.36)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-2.61)**, **MSN (-2.14)**, **HPG (-1.71)**, **GVR (-1.04)**, **PLX (-1.01)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **26.851** tỷ đồng, tăng **+31.71%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27.655 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 21.41 điểm. Thị trường có **129** mã tăng, 37 mã tham chiếu và **326** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-545.35** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-150.27 tỷ)**, **VND (-124.08 tỷ)**, **DXG (-70.19 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **1.35** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1466.54**
Giá trị: 26851.22 tỷ **-12.54 (-0.85%)**
Khối ngoại (ròng): -545.35 tỷ

HNX-INDEX **442.20**
Giá trị: 4042.46 tỷ **-5.44 (-1.22%)**
Khối ngoại (ròng): 1.35 tỷ

UPCOM-INDEX **115.37**
Giá trị: 2502.8 tỷ **0.08 (0.07%)**
Khối ngoại(ròng): 24.16 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	107.5	1.41%
Giá vàng	1,993	-0.22%
Tỷ giá USD/VND	22,859	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	25,083	-0.08%
Tỷ giá JPY/VND	19,553	-0.61%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	-0.34%
LS TPCP 5 năm	1.6%	4.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DGC	53.9	MSN	-150.3
VCB	47.3	VND	-124.1
STB	40.8	DXG	-70.2
VNM	27.3	HPG	-45.4
VRE	21.3	NVL	-45.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

Phân tích kỹ thuật

PTB_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: PTB có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nến Marubozu cùng khối lượng tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu trong các phiên giao dịch gần đây. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20 và MA50, ủng hộ cho xu hướng tăng giá. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 112.9, chốt lãi tại ngưỡng 128.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 105.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

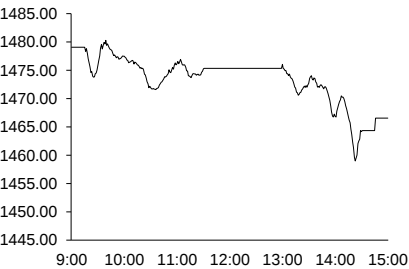
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	1.35%
Ngân hàng	0.33%
Viễn thông	0.00%
Bán lẻ	-0.38%
Xây dựng và Vật liệu	-0.42%
Bất động sản	-0.60%
Bảo hiểm	-0.66%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.69%
Du lịch và Giải trí	-0.73%
Hóa chất	-0.94%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.01%
Ô tô và phụ tùng	-1.41%
Công nghệ Thông tin	-1.46%
Y tế	-1.60%
Thực phẩm và đồ uống	-1.65%
Dịch vụ tài chính	-1.79%
Tài nguyên Cơ bản	-2.21%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.00%
Dầu khí	-5.01%

Hình 1

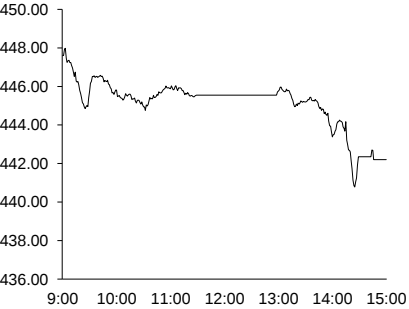
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	34.25	2	-4.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	17.2	1	1.78%	Có thể tiếp tục mua
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	18.1	6	-5.24%	Có thể giữ nguyên vị thế
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	47.7	8	7.43%	Có thể tiếp tục mua
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	34.5	10	-3.36%	Có thể tiếp tục mua
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	39.65	11	3.39%	Có thể tiếp tục mua
25/2/22	VGT	27	33	24	25.2	14	-6.67%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	24.6	15	4.68%	Có thể tiếp tục mua
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	26.3	16	6.05%	Có thể tiếp tục mua
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	19.6	21	-1.01%	Có thể tiếp tục mua
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.2	24	-3.38%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	46.9	29	-1.68%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	47.6	31	4.50%	Có thể tiếp tục mua
19/1/22	PHR	79.1	95.1	74	74.5	51	-5.82%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

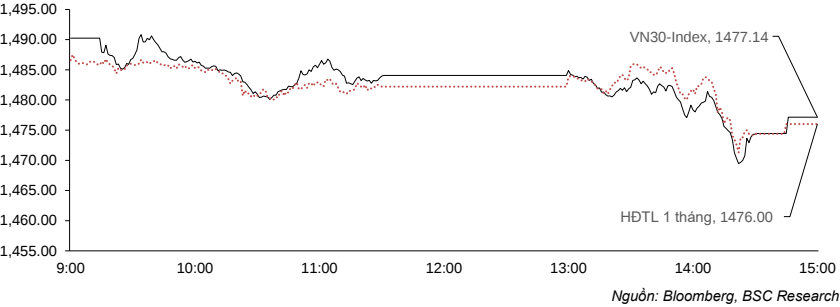
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
7/2/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
28/1/22	MBS	32.5	37.9	31.9	TP	31	16.62%
27/1/22	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
25/1/22	GAS	109.5	121	106	TP	37	10.50%
21/1/22	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	8	-2.67%	-3.98%	-0.29%	18
Cổ phiếu đã chốt	238	179	7.76%	-7.28%	5.17%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1476.00	-0.94%	-1.14	36.3%	150,729	3/17/2022	6
VN30F2204	1474.90	-0.81%	-2.24	16.6%	766	4/21/2022	41
VN30F2206	1472.50	-0.89%	-4.64	137.5%	76	6/16/2022	97
VN30F2209	1474.30	-1.42%	-2.84	135.3%	40	9/15/2022	188

Nhận định:

- VN30 giảm -13.1 điểm xuống 1477.14 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MSN, VPB, FPT, SSI đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Xu hướng dao động trong vùng 1480-1500 điểm dự kiến sẽ tiếp diễn đến khi thị trường có thông tin khả quan hơn.
- Các HDTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HD đều tăng nhẹ. Xét về vị thế mở, chỉ VN30F2204 tăng nhẹ, các HD còn lại đều giảm. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở giảm cho thấy xu hướng dòng tiền đang thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2114	5/24/2022	74	4.91:1	103,100	17.01%	1,780	390	11.43%	2	179.05	99,431	96,000	78,000
CMBB2109	5/4/2022	54	5:1	25,900	30.51%	1,100	720	2.86%	171	4.22	70,289	32,789	31,450
CMWG2108	3/14/2022	3	5:1	35,700	30.59%	3,500	1,470	0.00%	1,508	0.98	141,000	126,000	133,000
CTCB2112	7/1/2022	112	5:1	278,100	30.06%	1,970	830	-2.35%	301	2.75	65,000	55,000	48,900
CHPG2118	5/4/2022	54	5:1	292,900	33.03%	2,000	340	-2.86%	21	15.94	66,499	61,999	47,600
CTCB2105	5/4/2022	54	5:1	281,000	30.06%	3,600	1,500	-3.23%	1,034	1.45	47,450	45,000	48,900
CHDB2201	9/21/2022	194	5:1	164,400	37.34%	1,500	1,000	-3.85%	345	2.90	34,749	30,999	27,300
CVRE2201	9/20/2022	193	4:1	82,800	37.52%	1,200	1,220	-3.94%	741	1.65	39,440	34,000	31,850
CKDH2107	4/27/2022	47	8:1	40,100	34.93%	1,300	1,190	-5.56%	1,017	1.17	48,448	43,888	51,000
CVIC2107	4/8/2022	28	10:1	118,300	29.27%	1,600	310	-6.06%	7	46.32	105,900	93,000	79,000
CSTB2112	5/24/2022	74	1:1	55,700	37.55%	3,800	3,110	-8.53%	2,515	1.24	32,180	31,000	32,050
CHPG2201	10/21/2022	224	10:1	1,067,100	33.03%	1,300	1,070	-8.55%	548	1.95	51,166	49,666	47,600
CFPT2111	5/24/2022	74	5:1	22,900	22.16%	1,990	770	-9.41%	145	5.30	107,050	106,000	93,200
CKDH2201	10/5/2022	208	8:1	162,300	34.93%	1,500	950	-9.52%	319	2.98	80,978	61,618	51,000
CVRE2113	5/4/2022	54	4:1	107,700	37.52%	1,400	560	-9.68%	212	2.64	38,919	34,999	31,850
CACB2102	7/1/2022	112	2:1	452,400	28.45%	2,900	1,390	-9.74%	707	1.97	36,680	35,000	32,700
CMWG2114	4/20/2022	40	12:1	8,000	30.59%	2,600	940	-12.15%	638	1.47	158,800	130,000	133,000
CTCB2111	4/6/2022	26	4:1	121,200	30.06%	1,990	360	-16.28%	22	16.02	60,510	56,350	48,900
CMSN2201	9/21/2022	194	20:1	290,300	36.73%	2,000	950	-18.80%	504	1.88	183,199	169,999	142,500
CMSN2108	4/27/2022	47	19.9:1	927,600	36.73%	1,600	340	-34.62%	224	1.52	162,581	159,999	142,500
Tổng				4,534,400	32.46%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 11/03/2022, phần lớn các chứng quyền giảm mạnh theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CNVL2104 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 616.49% và 13.21%. Giá trị giao dịch tăng nhẹ 9.07%. CMBB2107 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.65% thị trường.
- CMWG2104, CPNJ2201, CPNJ2106 và CMSN2104 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2114, CMBB2109, CPDR2103 và CVRE2113 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CPNJ2106 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.0	-0.4%	0.6	4,122	3.8	6,936	19.2	4.7	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	104.5	-3.5%	0.8	1,033	6.1	4,543	23.0	3.9	48.5%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	57.0	-0.7%	1.3	1,840	1.6	2,501	22.8	2.0	26.5%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	49.7	-1.6%	0.5	506	0.3	3,543	14.0	1.5	57.8%	10.9%
VIC	Bất động sản	79.0	-0.1%	0.7	13,100	7.6	(759)	N/A	N/A	3.0	12.8%
VRE	Bất động sản	31.9	-0.5%	1.1	3,147	5.0	578	55.1	2.4	29.9%	4.4%
VHM	Bất động sản	75.0	-0.3%	1.2	14,199	11.7	9,048	8.3	2.5	23.9%	36.4%
DXG	Bất động sản	40.6	1.2%	1.3	1,052	14.7	1,941		2.8	31.2%	15.5%
SSI	Chứng khoán	45.0	-3.4%	1.5	1,942	33.2	2,768	16.3	3.1	37.7%	22.5%
VCI	Chứng khoán	62.0	-1.7%	1.0	898	9.5	4,512	13.7	3.2	20.6%	27.1%
HCM	Chứng khoán	36.2	-2.9%	1.5	720	8.8	2,805	12.9	2.3	43.7%	19.5%
FPT	Công nghệ	93.2	-1.5%	0.9	3,678	4.6	4,792	19.4	4.7	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	72.0	-1.0%	0.4	1,028	0.0	4,304	16.7	5.0	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	112.9	-4.7%	1.1	9,395	8.1	4,381	25.8	4.2	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	58.0	-5.4%	1.5	3,204	14.6	2,337	24.8	2.9	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	36.9	-3.4%	1.6	767	33.3	1,260	29.3	1.5	9.1%	5.0%
BSR	Dầu khí	27.6	-3.2%	0.8	3,721	17.7	(909)		2.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	111.9	-2.2%	0.3	636	0.3	5,720	19.6	3.9	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	66.4	3.9%	0.8	1,130	24.7	7,914	8.4	2.5	9.2%	33.5%
DCM	Hóa chất	46.5	3.7%	0.6	1,070	21.7	3,313	14.0	3.2	6.5%	25.3%
VCB	Ngân hàng	83.8	0.4%	1.1	17,243	3.2	5,005	16.7	3.6	23.6%	21.4%
BID	Ngân hàng	41.9	2.2%	1.2	9,204	2.7	2,090	20.0	2.5	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.3	0.5%	1.5	6,738	5.2	2,940	11.0	1.7	25.7%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.4	-1.0%	1.2	7,035	17.3	2,667	13.6	2.1	17.5%	18.0%
MBB	Ngân hàng	31.5	1.3%	1.2	5,166	15.4	3,362	9.4	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	32.7	-0.6%	1.0	3,841	3.9	3,554	9.2	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	59.8	-2.0%	0.6	213	0.2	2,618	22.8	2.1	85.2%	9.0%
NTP	Nhựa	60.1	-2.3%	0.4	308	0.2	3,951	15.2	2.6	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	32.3	-3.6%	1.0	1,544	2.1	39	828.2	2.5	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.6	-3.2%	1.1	9,257	92.9	7,708	6.2	2.3	22.6%	46.1%
HSG	Thép	39.7	-3.2%	1.3	851	24.4	8,581	4.6	1.7	7.3%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	78.0	1.2%	0.7	7,088	7.9	4,518	17.3	4.9	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	154.0	-1.9%	0.8	4,294	0.9	5,663	27.2	4.7	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	142.5	-5.0%	0.9	7,314	9.9	7,257	19.6	5.1	28.8%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	23.7	-2.9%	1.3	648	6.3	1,135	20.9	1.8	7.6%	8.7%
ACV	Vận tải	91.4	3.9%	0.8	8,651	0.5	577	158.4	5.3	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	138.5	-0.4%	1.1	3,261	6.1	2,271		4.4	16.6%	7.7%
HVN	Vận tải	25.8	-1.5%	1.7	2,484	3.7	(6,523)		23.9	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	55.7	1.3%	0.9	730	7.3	1,846	30.2	2.7	44.0%	9.1%
PVT	Vận tải	26.3	-4.9%	1.3	370	10.8	2,066	12.7	1.6	10.3%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	109.4	4.4%	0.7	761	1.3	10,538	10.4	3.6	3.7%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	51.0	-4.3%	0.4	994	3.3	2,729	18.7	3.2	3.9%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.3	6.8%	1.0	402	8.6	969	25.0	1.8	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	85.0	0.0%	0.9	273	1.6	310	273.8	0.8	46.3%	0.3%
CII	Xây dựng	29.8	-3.6%	0.9	314	10.0	(1,434)	N/A	N/A	1.5	10.4%
REE	Điện	72.2	0.7%	-1.4	970	2.7	6,002	12.0	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	44.3	-4.7%	-0.4	453	8.8	2,997	14.8	2.2	5.3%	15.9%
POW	Điện	16.2	-2.7%	0.6	1,644	15.9	759	21.3	1.3	2.3%	6.1%
NT2	Điện	22.6	-1.1%	0.5	282	0.6	1,778	12.7	1.5	13.9%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	51.8	-1.7%	1.2	1,283	12.2	1,593	32.5	2.1	18.2%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	72.4	-1%	1.0	3,258	0.4			4.8	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	41.85	2.20	0.93	1.48MLN
VNM	78.00	1.17	0.48	2.32MLN
MBB	31.45	1.29	0.39	11.26MLN
VCB	83.80	0.36	0.36	876100
EIB	35.40	3.21	0.35	630200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-2.75	1.62MLN	1.11MLN
MSN	-0.01	-2.27	1.57MLN	607060
HPG	0.00	-1.78	44.34MLN	373600
PLX	-0.01	-1.10	5.64MLN	192700
GVR	0.00	-1.08	2.60MLN	611640

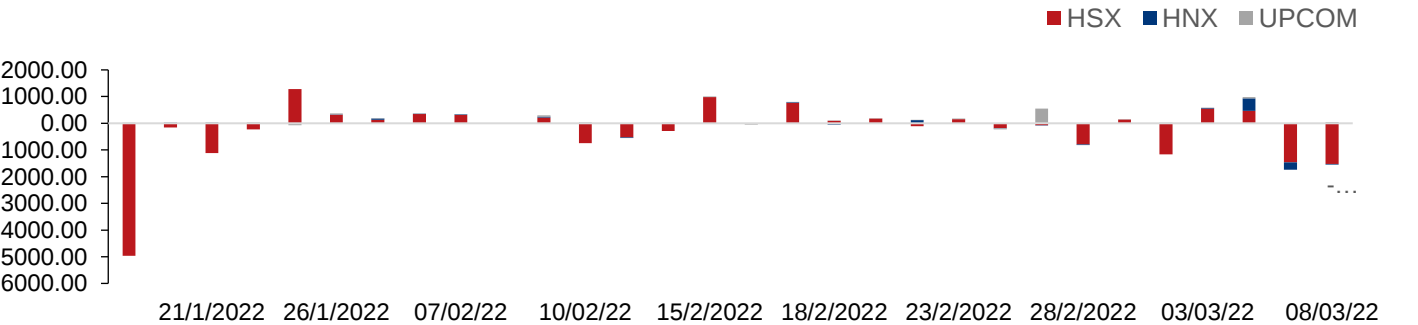
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GDT	57.20	6.92	0.02	341000.00
PTB	112.90	6.91	0.09	1.00MLN
RDP	14.70	6.91	0.01	991700
GTA	18.65	6.88	0.00	124900
AAM	17.90	6.87	0.00	147100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJF	15.35	-6.97	-0.02	7.20MLN
PTC	68.10	-6.97	-0.02	638100
IDI	19.40	-6.95	-0.09	9.06MLN
TGG	28.30	-6.91	-0.02	4.16MLN
TSC	19.60	-6.89	-0.06	11.97MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	41.5	1,006	41.3	2.3	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	39.9	1,968	20.3	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	27.6	-909	#N/A N/A	2.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	64.4	362	177.9	5.5	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	85.0	310	273.8	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	73.0	7,200	10.1	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	46.5	3,313	14.0	3.2	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	188.1	13,122	14.3	5.3	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	80.5	5,715	14.1	3.7	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.5	2,450	13.7	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	40.6	1,941	20.9	2.8	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	26.1	949	27.5	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	16.8	1,454	11.6	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	93.2	4,792	19.4	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	112.9	4,381	25.8	4.2	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	112.9	4,381	25.8	4.2	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	34.3	3,134	10.9	2.4	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.6	7,708	6.2	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	39.7	8,581	4.6	1.7	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	36.9	157	235.4	3.4	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.1	1,520	11.9	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.1	1,520	11.9	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.2	689	25.0	1.3	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	51.0	1,833	27.8	3.2	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	50.6	5,898	8.6	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	78.6	8,820	8.9	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	133.0	6,936	19.2	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	50.0	10,793	4.6	1.9	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	53.1	3,055	17.4	2.3	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.6	1,778	12.7	1.5	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	44.3	2,997	14.8	2.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.5	4,543	23.0	3.9	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	104.5	4,543	23.0	3.9	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.2	759	21.3	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.7	3,543	14.0	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	36.9	1,260	29.3	1.5	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.6	1,064	35.3	3.9	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.7	14,369	2.9	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	70.8	3,013	23.5	4.8	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	24.8	2,375	10.4	3.5	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.2	570	44.2	2.0	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	79.8	6,052	13.2	2.5	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	78.0	4,518	17.3	4.9	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	31.9	578	55.1	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	47.7	3499.1	13.6	2.0	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.6	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
3	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
4	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
6	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
8	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
11	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
12	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
13	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
15	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
17	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
18	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
19	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
21	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
28	Banking Sector Outlook		x	Click
29	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
30	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
31	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
32	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
33	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
34	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
35	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
36	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
37	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
38	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
39	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
40	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
41	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
42	Fishery Outlook 2021		x	Click
43	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
44	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639